

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hồ Thị Mai Hương**, bà **Võ Thị Điệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **71/2021/TLST-HNGĐ** ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **96/2021/QĐXXST-DS** ngày 09 tháng 4 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tống Thị Thanh T** - sinh năm 1980,

Địa chỉ: Ấp 3, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Võ Minh H** - sinh năm 1969,

Địa chỉ: Ấp 3, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên hòa giải, nguyên đơn chị Tống Thị Thanh T bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T trình bày giữa chị và anh Võ Minh H kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng vẫn cố gắng khuyên giải nhau và cùng cho nhau cơ hội để sửa đổi, tuy nhiên mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể giải quyết được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị T quyết định gửi đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H tại Tòa án vào năm 2015 nhưng sau đó thì chị T rút lại yêu cầu khởi kiện để cả hai có thêm cơ hội nữa để hàn gắn tình cảm nhưng cả hai vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Võ Minh H là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung gồm Võ Hùng M - sinh ngày 21/4/2004 và Võ Trí M - sinh ngày 30/12/2009, các con chung hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Võ Trí M, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con; chị đồng ý giao con chung Võ Hùng M cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con do anh H không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên hòa giải, bị đơn anh Võ Minh H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, cũng như việc vợ chồng sống chung từ năm 2003 đến nay mà không có đăng ký kết hôn. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý theo yêu cầu của chị T là không công nhận anh với chị Tống Thị Thanh T là vợ chồng.

- Về con chung: Anh thống nhất giữa anh và chị T có 02 con chung gồm Võ Hùng Minh - sinh ngày 21/4/2004 và Võ Trí M - sinh ngày 30/12/2009, hiện các con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Hùng M, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con; anh đồng ý giao con chung Võ Trí M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là Bản sao giấy khai sinh con chung tên Võ Hùng M và Võ Trí M; bị đơn xác nhận chứng cứ này là đúng và không yêu cầu phải sao chụp lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn **Võ Minh H** hiện đang cư trú tại xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Tống Thị Thanh T và anh Võ Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **H** đều thừa nhận chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị **T** và anh **H** có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Nay, cuộc sống chung giữa chị **T** và anh **H** phát sinh mâu thuẫn, chị **T** yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh **H** là vợ chồng; anh **H** đồng ý theo yêu cầu của chị **T**. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị **Tổng Thị Thanh T** và anh **Võ Minh H** là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị **T** và anh **H** thống nhất có 02 con chung tên **Võ Hùng M** - sinh ngày 21/4/2004 và **Võ Trí M** - sinh ngày 30/12/2009. Hiện các con chung đang sinh sống với chị **T**. Khi ly hôn, chị **T** và anh **H** thống nhất giao con chung **Võ Hùng M** cho anh **H** được trực tiếp nuôi dưỡng, chị **T** không phải cấp dưỡng nuôi con do anh **H** không có yêu cầu; giao con chung **Võ Trí M** cho chị **T** được trực tiếp nuôi dưỡng, anh **H** không cấp dưỡng nuôi con do chị **T** không có yêu cầu. Đồng thời, theo bản tự khai của các con chung, nếu chị **T** và anh **H** ly hôn, cháu **Võ Hùng Minh** có nguyện vọng được sống với anh **H**, cháu **Võ Trí Mẫn** có nguyện vọng được sống với chị **T**.

Xét thấy sự thỏa thuận giữa chị **T** và anh **H** là phù hợp với nguyện vọng của các con chung, cũng như để đảm bảo cho các con chung ổn định cuộc sống, có điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận về nuôi con giữa chị **T** và anh **H**.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **T** và anh **H** đều thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị **Tổng Thị Thanh T** phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Tổng Thị Thanh T và anh Võ Minh H là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Tổng Thị Thanh T và anh Võ Minh H. Anh Võ Minh H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Hùng M sinh ngày 21/4/2004; chị Tổng Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Trí M - sinh ngày 30/12/2009. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau do không ai yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Tổng Thị Thanh T phải chịu, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Thủy đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012291 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Trường Chinh